

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2019.

*“V/v: Kiện không công nhận
là vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân gồm có:

1. Ông Vũ Xuân Thụ

2. Ông Ksor Y Nai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2018 về việc “Kiện không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Nông Thị A: Ông Vũ Văn T – Luật sư Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt.*

Địa chỉ: số 5, đường D, phường H, TP. M, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nông Văn R, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 10, xã C, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị A trình bày:**

Chị và anh Nông Văn R tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn và anh R đã đuổi chị ra khỏi nhà và đã lấy vợ khác. Nay, chị xét thấy tình cảm không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Nông Văn R.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh R có một con chung là Nông Văn K - sinh ngày 13/11/2013, chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Văn K cho đến khi trưởng thành. Chị yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Khi làm đơn khởi kiện thì chị Nông Thị A có yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà gỗ hai tầng, diện tích sử dụng 80m² tại Thôn 5, xã C, huyện L là tài sản chung của chị và anh R. Ngoài ra, chị còn yêu cầu chia tiền công đầu tư chăm sóc cà phê và tiêu từ tháng 5/2015 đến tháng 12/2015 là 9.440.000đồng và tiền sản lượng cà phê, tiêu thu cuối năm 2015, đầu năm 2016 là 122.000.000đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 01/8/2019 thì chị A đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung nói trên. Chị đề nghị Tòa án không giải quyết về phần tài sản mà chỉ yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh R, yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Văn K và yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nông Văn R trình bày:*

Anh và cô Nông Thị A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 có tổ chức cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cô A có ý xấu lấy và đập phá tài sản. Anh cảm thấy không thể sống chung với cô A được nữa. Nay cô A yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng với anh thì anh đồng ý chấp nhận.

Về con chung: Anh R và chị A có một con chung là Nông Văn K - sinh ngày 13/11/2013, anh có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nông Văn K cho đến khi trưởng thành, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận chị Nông Thị A và anh Nông Văn R là vợ chồng. Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nông Văn K - sinh ngày 13/11/2013 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Buộc anh R phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận chị Nông Thị A và anh Nông Văn R là vợ chồng. Giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nông Văn K - sinh ngày 13/11/2013 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Buộc anh R phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị A đề nghị tòa án không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Nông Văn R là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo như quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, anh Nông Văn R đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh R theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị A và anh Nông Văn R chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, tuy có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị A và anh R không đăng ký kết hôn, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị A là phù hợp với Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận: Không công nhận chị Nông Thị A và anh Nông Văn R là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị A và anh R có một con chung là cháu Nông Văn K - sinh ngày 13/11/2013. Xét thấy, cháu K hiện đang còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ để bảo đảm việc phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý. Hiện nay cháu cũng đang ở với chị A và chị A có việc làm và thu nhập đủ điều kiện để nuôi con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị A giao cháu K cho chị A trực tiếp dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đồng của chị A là phù hợp với khả năng kinh tế của anh R nên cần chấp nhận. Cần buộc anh R phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nông Văn K mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị A và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Anh R phải chịu án 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cũng như ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị A.

Không công nhận chị Nông Thị A và anh Nông Văn R là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nông Văn K - sinh ngày 13/11/2013 cho chị Nông Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nông Văn R phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Nông Thị A để nuôi dưỡng cháu Nông Văn K mỗi tháng là 1.500.000đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nông Văn R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Nông Thị A và anh Nông Văn R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nông Thị A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.375.000đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai số AA/2017/0008841 ngày 11/10/2018, chị A còn được nhận lại 6.075.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai nói trên.

Anh Nông Văn R phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh

